

Số: 278/2024/QĐST-HNGĐ

BÐ, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 355/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: **Lê Thanh L**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: **Bùi Thị Yến L1**, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp Thừa Trung, xã Thừa Đức, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Lê Thanh L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thiên P, sinh ngày 23/3/2021.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Thanh L về việc không yêu cầu chị Bùi Thị Yến L1 cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị Yến L1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Lê Thanh L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Bùi Thị Yến L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Lê Thanh L tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003905 ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, anh Lê Thanh L được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND thị trấn BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi

44, 43 tờ bản đồ số 44 tại xã Thạnh Phước, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện BĐ).

- Ông Nguyễn Văn Liên, bà Nguyễn Thị Trinh, chị Nguyễn Thị Thúy Hằng, chị Nguyễn Thị Niềm và anh Nguyễn Văn Vinh thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản sau khi ly hôn giữa ông Nguyễn Văn Liên với bà Nguyễn Thị Trinh đối với thửa đất số 357, tờ bản đồ số 5 (Theo số liệu mới thuộc thửa đất số 43, 44 cùng tờ bản đồ số 44) có diện tích là 5.238,3 m², tọa lạc tại ấp Tân Long, xã Thạnh Phước, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 987710 được Ủy ban nhân dân huyện BĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/01/1997 cho hộ Nguyễn Văn Liên.

- Ông Nguyễn Văn Liên, bà Nguyễn Thị Trinh, chị Nguyễn Thị Thúy Hằng, chị Nguyễn Thị Niềm và anh Nguyễn Văn Vinh đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn Re để làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên phần đất thuộc thửa 43-1; 44-4 có tổng diện tích là 291,5 m² thuộc một phần thửa đất số 357, tờ bản đồ số 5 (Theo số liệu mới thuộc thửa đất số 43, 44 cùng tờ bản đồ số 44 có diện tích là 5.238,3 m², tọa lạc tại ấp Tân Long, xã Thạnh Phước, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 987710 được Ủy ban nhân dân huyện BĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/01/1997 cho hộ Nguyễn Văn Liên.

Cụ thể các đương sự nhận các thửa đất như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn Re nhận phần đất thuộc thửa số 43-1 và thửa 44-4, có diện tích 291,5 m² thuộc các điểm ABQROPA, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa đất số 44 của ông Nguyễn Văn Liên nhận.

- Hướng Tây giáp đường huyện ĐH.40
- Hướng Nam giáp thửa đất số 510 của anh Lê Nguyễn Hoàng Minh.
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 43, 44 của ông Nguyễn Văn Liên nhận.

Mặc dù phần đất có diện tích 291,5 m² thuộc thửa đất số 43-1 và thửa 44-4 thuộc tờ bản đồ số 43, 44 - Xã Thanh Phước, huyện BĐ có mục đích sử dụng là đất trồng lúa, có diện tích tối thiểu được tách thửa dưới mức quy định. Tuy nhiên, để giải quyết toàn diện vụ án, cũng như nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vì vậy, việc tách thửa phần đất có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu theo quy định là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

2.2. Ông Nguyễn Văn Liên nhận phần đất thuộc thửa số 43 có diện tích 283,6 m² và thửa 44 có diện tích 1718,1 m² thuộc các điểm BCDMNORQB, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp mương nước.
- Hướng Tây giáp đường huyện ĐH.40.
- Hướng Nam giáp thửa đất 510 của anh Lê Nguyễn Hoàng Minh và thửa 43-1; 44-4 của ông Nguyễn Văn Re nhận.
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 44-3 của anh Nguyễn Văn Vinh nhận.

Ông Nguyễn Văn Liên được toàn quyền quản lý, sử dụng một ngôi nhà chính (t1), nhà sau (t2) và nhà vệ sinh, chòi máy 1, chòi máy 2 và chòi máy 4 được xây dựng trên thửa số 43 và thửa 44. Riêng một phần nhà sau (t2) có diện tích là 4,9 m² cần qua thửa 43-1 của ông Nguyễn Văn Re thì ông Liên tự nguyện tháo dỡ khi ông Re yêu cầu.

2.3. Anh Nguyễn Văn Vinh nhận phần đất thuộc thửa số 44-3, có diện tích 884,3 m², thuộc các điểm DELMD, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp mương nước.
- Hướng Tây giáp đường huyện ĐH.40
- Hướng Nam giáp thửa đất số 44 của ông Nguyễn Văn Liên nhận.
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 44-2 của chị Nguyễn Thị Niềm nhận.

2.4. Chị Nguyễn Thị Niềm nhận phần đất thuộc thửa số 44-2, có diện tích 880,6 m² thuộc các điểm EFKLE, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp mương nước.
- Hướng Tây giáp đường huyện ĐH.40.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 44-3 của anh Nguyễn Văn Vinh nhận
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 44-1 của chị Nguyễn Thị Thúy Hằng nhận.

Chị Nguyễn Thị Niềm được toàn quyền quản lý, sử dụng chòi máy 3 được xây dựng trên thửa đất 44-2.

2.5. Chị Nguyễn Thị Thúy Hằng nhận phần đất thuộc thửa số 44-1, có diện tích 877,0 m², thuộc các điểm FGJKF, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp nương nước.
- Hướng Tây giáp đường huyện DH.40.
- Hướng Nam giáp thửa đất số 44-2 của chị Nguyễn Thị Niềm nhận
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 418 của chị Nguyễn Thị Thúy Hằng; Thửa 39, 346 của chị Trương Ngọc Hân.

Chị Nguyễn Thị Thúy Hằng được toàn quyền quản lý, sử dụng chòi lá 1 có diện tích 10 m² và chòi lá 2 có diện tích 10 m² được xây dựng trên thửa 44-1. Riêng nhà tiền chế được xây dựng trên thửa 418 chắn qua thửa 44-1 với diện tích là 8,6 m² và nhà g được xây dựng trên thửa 418 chắn qua thửa 44-1 với diện tích là 13,2 m² đều thuộc quyền quản lý, sử dụng của chị Nguyễn Thị Thúy Hằng. Chị Hằng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

(Kèm theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa đất số 44, 43 tờ bản đồ số 44 tại xã Thạnh Phước, huyện BD, tỉnh Bến Tre ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện BD).

2.6. Đối với các cây trồng trên đất tranh chấp gồm có 15 bụi chuối, 02 cây xoài 03 năm tuổi; 01 cây mận 03 năm tuổi; 07 cây mai kiểng 08 năm tuổi do chị Nguyễn Thị Thúy Hằng trồng trên thửa 44-1 chị Hằng được toàn quyền quản lý, sử dụng.

2.7. Ông Nguyễn Văn Liên có nghĩa vụ giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 357, tờ bản đồ số 5 (Theo số liệu mới thuộc thửa đất số 43, 44 cùng tờ bản đồ số 44, có diện tích là 5.238,3 m², tọa lạc tại ấp Tân Long, xã Thạnh Phước, huyện BD, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 987710 được Ủy ban nhân dân huyện BD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/01/1997 cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Liên, chị Nguyễn Thị Thúy Hằng, chị Nguyễn Thị Niềm và anh Nguyễn Văn Vinh và ông Nguyễn Văn Re.

2.8. Ông Nguyễn Văn Liên, chị Nguyễn Thị Thúy Hằng, chị Nguyễn Thị Niềm, anh Nguyễn Văn Vinh và ông Nguyễn Văn Re được quyền liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà mỗi người được nhận đối với phần đất có diện tích và tứ cận nêu trên theo quy định của pháp luật.

2.9. Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ Nguyễn Văn Liên đối với thửa đất số 357, tờ bản đồ số 5 (Theo số liệu mới thuộc thửa đất số 43, 44 cùng tờ bản đồ số 44, có diện tích là 5.238,3 m², tọa lạc tại ấp Tân Long, xã Thạnh Phước, huyện BD, tỉnh Bến Tre theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 987710 được Ủy ban nhân dân huyện BD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/01/1997 sang cho ông Nguyễn Văn Liên, chị

Nguyễn Thị Thúy Hằng, chị Nguyễn Thị Niềm, anh Nguyễn Văn Vinh và ông Nguyễn Văn Re đứng tên đối với phần đất có diện tích và tứ cận nêu trên.

2.10. Về án phí dân sự sơ thẩm.

a/ Ông Nguyễn Văn Liên phải chịu số tiền là 9.465.500 đồng (Chín triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Liên đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002251 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Vậy, ông Liên còn phải nộp tiếp số tiền là 8.215.500 đồng (Tám triệu hai trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng).

b) Anh Nguyễn Văn Vinh phải chịu số tiền là 2.299.000 đồng (Hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Vinh đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000246 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Vậy, anh Vinh còn phải nộp tiếp số tiền là 1.049.000 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

c) Chị Nguyễn Thị Niềm phải chịu số tiền là 2.290.000 đồng (Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Niềm đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000232 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Vậy, chị Niềm còn phải nộp tiếp số tiền là 1.040.000 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

d) Chị Nguyễn Thị Hằng phải chịu số tiền là 2.280.000 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Hằng đã nộp là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000231 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Vậy, chị Hằng còn phải nộp tiếp số tiền là 1.030.000 đồng (Một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

e) Đối với phần đất mà ông Nguyễn Văn Liên, bà Nguyễn Thị Trinh, chị Nguyễn Thị Thúy Hằng, chị Nguyễn Thị Niềm và anh Nguyễn Văn Vinh chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Re. Ông Re tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Re đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0006399 ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Vậy, hoàn lại cho ông Re số tiền chênh lệch còn lại là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.11. Về chi phí tố tụng.

Tổng chi phí đo đạc và định giá phần đất đang tranh chấp với tổng số tiền là 21.499.000 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn Liên tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 21.499.000 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà ông Liên đã nộp tạm ứng trước là 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) theo phiếu thu ngày 02/3/2021 và phiếu thu ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Vậy, hoàn lại cho ông Liên số tiền chênh lệch còn lại là 1.501.000 đồng (Một triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ ;
- Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Phi